

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/DS-ST

Ngày: 10-8-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Còn.
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thủy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2023/TLST-DS, ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-DS, ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh L (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1968 (Vắng mặt);

2.2. Bà Lê Thị Gi, sinh năm: 1972;

Cả 02 cùng địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh L.

NỘI D VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D, như sau:

Ngày 18/6/2021, bà có cho vợ, chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi vay số tiền là 1.000.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 03% tháng, thời hạn vay 03 tháng. Đến ngày 08/02/2023 ông H, bà Gi vay tiếp của bà số tiền 35.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, hẹn 02 ngày sau sẽ trả cùng với số tiền vốn vay của khoản vay ngày 18/6/2021. Tuy nhiên đến thời hạn trả tiền thì ông H, bà Gi không trả tiền vốn vay và tiền lãi như đã thỏa thuận. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H, bà Gi trả số tiền trên nhưng vợ chồng ông H nhiều lần hứa hẹn không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi liên đới trả cho bà số tiền vốn vay là 1.035.000.000đ và tiền lãi của số tiền vốn vay 1.000.000.000đ với lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng, tính từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/7/2023 là 25 tháng, thành tiền là $1.000.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 25 \text{ tháng} = 415.000.000đ$.

2. Bị đơn, ông Nguyễn Thanh H vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2023, ông H đã trình bày:

Ông thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị D, về các lần vay, mức lãi suất, thời hạn vay như bà D trình bày là đúng, tổng cộng số tiền vợ chồng ông đã vay của bà D là 1.035.000.000đ. Tuy nhiên đối với khoản tiền vay 1.000.000.000đ vào ngày 18/6/2021, ông đã tiền lãi cho bà D đầy đủ, mỗi lần trả từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ, trả từ sau khi vay cho đến tháng 01 năm 2023 (âm lịch) thì không trả tiền lãi nữa, tổng số tiền lãi mà ông đã trả cho bà D là 450.000.000đ. Tuy nhiên do tin tưởng bà D nên khi trả tiền lãi, ông không yêu cầu bà D làm giấy tờ hay biên nhân gì.

Nay bà Nguyễn Thị D yêu cầu vợ chồng ông liên đới trả số tiền vốn vay là 1.035.000.000đ và lãi suất, ông có ý kiến như sau: Ông đề nghị khấu trừ số tiền lãi mà ông đã trả cho bà D vào số tiền vốn vay ngày 18/6/2021, cụ thể: $1.000.000.000đ - 450.000.000đ = 550.000.000đ$. Vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà D khoản tiền vay ngày 18/6/2021 còn lại là 550.000.000đ và khoản vay ngày 08/02/2023 là 35.000.000đ, tổng cộng 583.000.000đ nhưng xin trả dần trong thời hạn 07 tháng, mỗi lần trả 100.000.000đ cho đến khi hết nợ và đề nghị bà D không tính tiền lãi trên số tiền vốn vay.

3. Bị đơn bà Lê Thị Gi: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng nhưng bà Gi vắng mặt không có lý do. Do bà Gi vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm, đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi trả số tiền vốn vay và tiền lãi. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông H và bà Gi có địa chỉ tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà D yêu cầu vợ chồng ông H, bà Gi trả số tiền vốn vay 1.035.000.000đ. Tại biên bản hòa giải ngày 30/6/2023, ông H thừa nhận vợ chồng ông H có vay của bà D 1.035.000.000đ. Đối với bà Gi, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên hòa giải và quyết định xét xử vụ án. Trong các thông báo này, Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Gi cũng không có ý kiến phản đối gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định việc bà D có cho ông H, bà Gi vay tiền là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vào ngày 18/6/2021 ông H, bà Gi vay của bà D 1.000.000.000đ và ngày 08/02/2023 ông H, bà Gi vay của bà D 35.000.000đ. Bà D yêu cầu vợ chồng ông H và bà Gi trả 1.035.000.000đ tiền vốn vay. Ngược lại,

ông H cho rằng hàng tháng ông H có trả tiền lãi cho bà D từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ nên tổng số tiền lãi ông H đã trả cho bà D là 450.000.000đ do đó ông H yêu cầu bà D khấu trừ số tiền 450.000.000đ vào số tiền vốn vay 1.000.000.000đ. Vì vậy ông H chỉ đồng ý trả cho bà D khoản tiền vốn vay vào ngày 18/6/2021 còn lại là 550.000.000đ và khoản vốn vay ngày 08/02/2023 là 35.000.000đ, tổng cộng 583.000.000đ nhưng xin trả dần trong thời hạn 07 tháng, mỗi lần trả 100.000.000đ cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên ông H không có chứng cứ gì chứng minh việc đã trả cho bà D 450.000.000đ tiền lãi. Bà D không thừa nhận việc ông H đã trả tiền lãi cho bà D và bà D cũng không đồng ý cho ông H, bà Gi trả dần số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến phản đối của ông H mà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu ông H và bà Gi trả cho bà D số tiền 1.035.000.000đ vốn vay.

[4] Về tiền lãi: Bà D yêu cầu ông H và bà Gi liên đới trả tiền lãi với lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng. Xét, giấy nợ ngày 18/6/2021 có ghi thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Thỏa thuận lãi suất của các đương sự là cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên phần thỏa thuận về lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn là 20%/năm không có hiệu lực. Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, tương đương 1,66%/tháng. Tuy nhiên nay bà D chỉ yêu cầu tiền lãi với lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp nên được chấp nhận, tiền lãi được tính từ ngày 18/6/2021 đến ngày 18/7/2023 là 25 tháng, thành tiền là 415.000.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi trả tiền cho bà D, nên ông H và bà Gi phải chịu án phí tính trên số tiền này. Bà D không phải chịu án phí và cũng thuộc trường hợp được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 91, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 328, 463, 466, 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi.

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị D 1.035.000.000đ tiền vốn vay và 415.000.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 1.450.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thanh H và bà Lê Thị Gi phải liên đới chịu 55.500.000đ (Năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí và cũng thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh.
- VKSND Huyện.
- THA DS Huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đỗ Quốc Dũng